



Sạt lở đất

 Khu vực sạt lở đất nguy hiểm

Khu vực trên 5.0m	
Khu vực dưới 3.0~5.0m	
Khu vực dưới 1.0~3.0m	
Khu vực dưới 0.5~1.0m	

 Khu vực dự kiến nhà cửa sẽ bị sập đổ và ngập lụt (dòng lũ)

Hoạt động đứt gãy

Hướng dịch chuyển thẳng đứng của hoạt động đứt gãy hiển thị tương đối giảm

Hướng nghiêng của bề mặt địa hình

	Khu vực sơn t àn		Kho ngân l ũ l ũ t r
	Nơi s ơn t h ứ 1		Thiết bị đo thời t i / máy đo l ượng m ưa
	Nơi s ơn t h ứ 2		Máy đo m ức n ước
	Cơ sở v ật chất cho người trẻ em s ử đồ chơi		Máy quay camera o n t h ìn
	toà t h ị chính Minowa		Bài đ áp t r ư ng th a ng
	Tr ụ x ã c ảnh s át		Đi ph át th anh h ành ch ính
	trạm cứu h ỏa		(không lo)
	Trường m àu g i áo		Điệp kiểm soát x ã m ôi tr ờ n
	Đường g i áo		Đường t ra c o ng
	Đường r ong n g h ệ p		Đường s ắt
			Sông

Theo luật phòng chống thiên tai (Luật thủy thủy biến pháp phòng chống thiên tai sạt lở đất ở khu vực dễ xảy ra) thông cáo chỉ định các khu vực có nguy cơ sạt lở đất với mức độ khác nhau để biến pháp như thông báo nguy hiểm, thiết lập hệ thống cảnh báo và sơ tán, hạn chế việc xây nhà mới, thúc đẩy việc di chuyển hiện có để bảo vệ tính mạng người dân trước thảm họa sạt lở đất.

(Bản đồ này các khu vực cảnh báo sạt lở đất và khu vực cảnh báo đặc biệt về thảm họa sạt lở đất được chỉ định trong bảng 9.2014)

	Tên địa danh
1	Nagata Haisuichi
2	Tomida Kouminkan
3	Minowamachi Yakuba
4	Kitaogochi Kouminkan
5	Nagaoka Kouminkan
6	Fukuyo Kouminkan
7	Kamifuruta (Tỉnh Nagano)
8	Minowa Damu (Tỉnh Nagano)

	Tên địa danh
1	Sawa Tên địa danh
2	Minamigochi Tên địa danh
3	Mikkamachi Kho máy móc thiết bị phòng chống thiên tai khẩn cấp
4	Minowa Tên địa danh
5	Han no ki Tên địa danh

Sông Tenryu lượng mưa 605 mm trong 48h Sông Sawakawa lượng

phần loại cơ sở hạ tầng	phần loại thiết bị	địa điểm	địa chỉ
Cơ sở phúc lợi xã hội	Trầm tích	1 Gureisufuru Chokoku	Nakaminowa6065
		2 YuuchanChiri Ithoku	Nakaminowa1450-1
	Trầm tích - ngập lụt	3 Wakakusa En	Mikkamachi1456
		4 Mikkamachi Homu	Mikkamachi1574
		5 Yutori Soto	Mikkamachi1372-1
		6 Minowa En	Mikkamachi1660-3
	ngập lụt	7 Seikyoku Sougou Kea Senta Minowa	Nakaminowa11329-1
		8 Takuyourousho Nanhana	Higashi Minowa5139-5
		9 Opusyon Arufa	Nakaminowa8040-5
		10 Janken Pon	Higashi Minowa4970-2
		11 Kirameki Teiyuru	Nakaminowa8188
		12 Fureai Kizzu Minowa Kyoushitsu	Nakaminowa8944-1
Trường học - Trường mẫu giáo	Trầm tích	13 Minowa Minami Shougakkou	Mikkamachi5
	Trầm tích - ngập lụt	14 Minowa Nishi Shougakkou	Nakaminowa5715-1
		15 Mikkamachi Hoikuen	Mikkamachi1456
		16 Nagata Hoikuen	Nakaminowa2134-268
	Trầm tích	17 Kamifuruta Hoikuen	Nakaminowa6031-3
		18 Gakudou Kurabu Nanbu Kyoushitsu	Mikkamachi5
Cơ sở y tế	ngập lụt	19 Gakudou Kurabu Seibu Kyoushitsu	Nakaminowa5751-1
		20 Minowa Shinsyuryu Kouin	Nakaminowa13238
		21 Kamina Seikyoku Byouin	Nakaminowa11324

	Tên địa điểm
1	Kamifuruta Undoujou
2	Banbahara Kouen Daini Guraundo

để biết
nước ở
và hình
sông

Thông tin mực nước sông
(Cơ sở pháp nhân Trung tâm thông tin ở sông)

Stt	Tên con sông	Đoạn sông nào
1	Tenryuu Gawa	Inatomi
2		Bờ trái 209.6k+1
3		Bờ trái 208.6k+30
4		Bờ trái 207.6k+44
5		Bờ trái 206.4k+154
6		Bờ phải 205.2k+159
7		Bờ phải 204.8k+1
8		Bờ phải 204.4k+1
9		Bờ trái 203.4k+54
10		Bờ trái 201.2k+165
11		Bờ trái 201.0k+30
12		Bờ phải 200.8k+33
13		Kitatono
14	Sawa Gawa	Fukuzawa
15		Minamida
16	Kuwazawa Gawa	Fukihara Bashì
17	Fukasawa Gawa	Shimo Fukasawa Bashì
18	Obinashi Gawa	Obinashi Bashì

Stt	Tên con sông	Đoạn sông nào
1	Tenryuu Gawa	Inatomi Suii Kansokujo
2		Bờ trái 208.2k+157
3		Kitajima Jouryuu
4		Kitajima Karyuu
5		Machida Bashi
6		Bờ phải 200.0k+114
7		Sezawagawa Gouryuuten
8		Kitatono Suii Kansokujo
9	Sawa Gawa	Fukuzawa
10		Minamida

No.	Tên cơ sở	Địa chỉ	Tên khu vực	Mối quan hệ với khu vực thiên tai			
				Ước tính ngập lụt (L1)	Ước tính ngập lụt (L2)	Khu vực cần báo sát tại đó	Động đất
1	Minowa Chuubu Shougakkou Koutei	Nakaminowa10235	Matsushima	○	○	○	○
2	Minowa Kita Shougakkou Koutei	Nakaminowa475	Sawa	Trong khu vực Kuwayagawa Gawa	Trong khu vực Kuwayagawa Gawa	○	○
3	Minowa Nishi Shougakkou Koutei	Nakaminowa5715	Kamifuruta	○	○	Trong khu vực	○
4	Minowa Higashi Shougakkou Koutei	Higashiminowa3187-1	Minamigochi	○	○	○	○
5	Minowa Minami Shougakkou Koutei	Mikkamachi5	Mikkamachi	○	○	Trong khu vực	○
6	Minowa Chuougakkou Koutei	Nakaminowa10230-59	Matsushima	○	○	○	○
7	Minowa Shinshuu Koukou Koutei	Nakaminowa13238	Kinoshita	○	○	○	○
8	Minowamachi Yakuba Chuushajou	Nakaminowa10298	Matsushima	○	○	○	○
9	Ichinomiya Kouminkan(Niwa)	Nakaminowa16206-1	Kinoshita	○	○	○	○
10	Nagata Hoikuen(Entei)	Nakaminowa2134-268	Sawa	○	○	Trong khu vực	○
11	Yaozome Giruando	Nakaminowa4242	Yaozome	○	○	Trong khu vực	○
12	Fukuyo Nouson Undou Kouen	Fukuyo524	Fukuyo	○	○	Trong khu vực	○
13	Ign Minowaten Minamigawa Chuushajou	Nakaminowa9025	Matsushima	Trong khu vực Tenryuu Gawa	Trong khu vực Tenryuu Gawa	○	○
14	Minowa Terasu Chuushajou	Nakaminowa3730-156	Ooide	○	○	Trong khu vực	○
15	Berushain Ihokuten Chuushajou	Nakaminowa3011-1	Ooide	○	○	○	○
16	Berushain Minowaten Chuushajou	Mikkamachi933-1	Mikkamachi	Trong khu vực TenryuuGawa - Obinashi Gawa	Trong khu vực TenryuuGawa - Obinashi Gawa	○	○

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Tên khu vực	Mối quan hệ với khu vực thiên tai			
				dự kiến ngập lụt (L1)	dự kiến ngập lụt (L2)	Khu vực cảnh báo sạt lở đất	Động đất
1	Sawa Kouminkan	Nakaminowa1740	Sawa		Above 2F(※) Kuwazawa Gawa		
2	Ooide Komyunitie Senta	Nakaminowa2184-1	Ooide				
3	Hokuseibu Tamokuteki Senta	Nakaminowa4219-6	Yaotome			Trong khu vực	
4	Shimofuruta Kouminkan	Nakaminowa4785-3	Simofuruta			Trong khu vực	
5	Kamifuruta Kouminkan	Nakaminowa6357	Kamifuruta			Trong khu vực	
6	Nakahara Kouminkan	Nakaminowa7628	Nakahara				
7	Matsushima Komyunitie Senta	Nakaminowa8440-1	Matsushima		Above 2F(※) Obinashi Gawa		
8	Kinoshita Kouminkan	Nakaminowa11393-1	Kinoshita	Above 2F(※) TenryuuGawa・Obinashi Gawa	Above 2F(※) TenryuuGawa・Obinashi Gawa		
9	Tomida Kouminkan	Nakaminowa15879-1	Tomita			Trong khu vực	
10	Nakazone Kouminkan	Nakazone35	Nakazone				
11	Mikkamachi Kouminkan	Mikkamachi1617-2	Mikkamachi		Trong khu vực TenryuuGawa	Trong khu vực	
12	Fukuyo Kouminkan	Fukuyo528	Fukuyo			Trong khu vực	
13	Nagaoka Kouminkan	Higashiminowa2270-1	Nagaoka			Trong khu vực	
14	Minamiogochi Kouminkan	Higashiminowa3264-9	Minamiogochi				
15	Kitaogochi Kouminkan	Higashiminowa4897-1	Kitaogochi				

No	Tên cơ sở	Địa chỉ	Tên khu vực	Mối quan hệ với khu vực thiên tai			
				dự kiến ngập lụt (L1)	dự kiến ngập lụt (L2)	Khu vực cảnh báo sạt lở đất	Đồng đất
1	Minowa Chuubu Shougakkou Taiikukan	Nakaminowa10235	Matsushima	Trong khu vực Kuzayawa Sawa	Trong khu vực Kuzayawa Sawa	☐	☐
2	Minowa Kita Shougakkou Taiikukan	Nakaminowa475	Sawa	☐	☐	☐	☐
3	Minowa Nishi Shougakkou Taiikukan	Nakaminowa5715-1	Kamifuruta	☐	☐	☐	☐
4	Minowa Higashi Shougakkou Taiikukan	Higashiminowa3187-1	Minamiogochi	☐	☐	☐	☐
5	Minowa Minami Shougakkou Taiikukan	Mikkamachi5	Mikkamachi	☐	☐	Trong khu vực	☐
6	Minowa Chuugakkou Taiikukan	Nakaminowa10251	Matsushima	☐	☐	☐	☐
7	Shakai Taiikukan	Nakaminowa10225-1	Matsushima	☐	☐	☐	☐
8	Fujigaoka Taiikukan	Nakaminowa10235	Matsushima	☐	☐	☐	☐
9	Minowa Shinshuu Koukou Daini Taiikukan	Nakaminowa13238	Kinoshita	☐	☐	☐	☐
10	Sawa Hoikuen	Nakaminowa1890-1	Sawa	☐	☐	☐	☐
11	Kamifuruta Hoikuen	Nakaminowa6031-3	Kamifuruta	☐	☐	Trong khu vực	☐
12	Matsushima Hoikuen	Nakaminowa10275-2	Matsushima	☐	☐	☐	☐
13	Kinoshita Hoikuen	Nakaminowa13333-1	Kinoshita	☐	☐	☐	☐
14	Mikkamachi Hoikuen	Mikkamachi1456	Mikkamachi	☐	Trong khu vực TenryuuGawa	☐	☐
15	Higashi Minowa Hoikuen	Higashiminowa3229	Minamiogochi	☐	☐	☐	☐
16	Nagata Hoikuen	Nakaminowa2134-268	Sawa Nagata	☐	☐	Trong khu vực	☐
17	Ikikii Senta Sanraizu (Kosodate Shien Senta)	Nakaminowa8759	Matsushima	Trong khu vực TenryuuGawa - Obinashi Gawa	Trong khu vực TenryuuGawa - Obinashi Gawa	☐	☐
18	Bousai Kouryuu Shisetsu (Minowa Besu)	Nakaminowa9499-4	Matsushima	☐	Above 2F(8) Obinashi Gawa	☐	☐

Người đủ điều kiện		Tên cơ sở	Địa chỉ	Tên khu vực	Mối quan hệ với khu vực thiên tai			
					dự kiến ngập lụt (L1)	dự kiến ngập lụt (L2)	Khu vực cảnh báo sát lộ	Động đất
Người cao tuổi	1	Gureisufuru Minowa	Nakaminowa6065	Kamifuruta			Trong khu vực	
	2	Seikyuu Sougou Kea Senta Minowa	Nakaminowa11329-1	Kinoshita	Above 2F(Ⅱ) Tennyuu Gawa Okinachi Gawa	Above 2F(Ⅱ) Tennyuu Gawa Okinachi Gawa		
	3	Fureai No Sato	Nakaminowa14432-1	Kinoshita				
	4	Minowa En	Mikkamachi1660-3	Mikkamachi		Trong khu vực Tennyuu Gawa		
	5	Yutori Sou	Mikkamachi1372-1	Mikkamachi		Trong khu vực Tennyuu Gawa		
	6	Wakana	Higashiminowa3296-1	Minamitogochi				
Người bị khuyết tật	7	Furendo Waku	Nakaminowa1905-1	Sawa				

※ Các gia đình có đủ điều kiện được chấp nhận

※UK First Floor